

ĐẶC TRƯNG DỤNG HỌC CỦA CÂU TRẦN THUẬT CÓ VỊ NGỮ LÀ ĐỘNG TỪ CẤU KHIẾN

Phạm Thuỳ Chi^(*)

1.1. Hành động yêu cầu, đề nghị, ra lệnh là hành động thường xuyên xuất hiện trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Các hành động thuộc nhóm này có thể biểu thị bằng nhiều cách khác nhau, thông qua nhiều kiểu câu khác nhau (gián tiếp, trực tiếp). Về kiểu câu trực tiếp đã có nhiều công trình ngữ pháp bàn đến. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ khảo sát hành vi thuộc nhóm câu khiến thông qua một câu trần thuật đặc biệt có vị ngữ là động từ thuộc nhóm câu khiến, là nhóm câu có ngữ nghĩa khác biệt với câu gây khiến kết quả như: bê gãy cái gì/ném cái gì ra đường. Khi nói về câu cấu khiến, trước đây người ta chỉ hay nói tới câu cấu khiến trực tiếp (đôi lập với câu trần thuật, cảm thán...) hoặc câu cấu khiến gián tiếp thông qua suy ý. Kiểu câu mà chúng tôi đề cập đến ở đây không phải là câu cấu khiến đích thực, cũng không phải là hàm ý thông qua suy ý, vì vậy mà nó rất đặc biệt.

1.2. Nhóm động từ cấu khiến gồm: bảo, buộc, bắt buộc, bắt, cản trở, cho phép, cổ vũ, cương bức, cương ép, dạy, dẫn, dẫn dắt, diu, diu dắt, đề nghị, đòi, đòi hỏi, cấm, giục, giúp đỡ, khuyên răn, khuyến khích, khuyên bảo, khuyên, lãnh đạo, mời, nài, nài ép, ngăn cản, sai, thúc, thúc đẩy, thúc ép, thuyết phục, xin, yêu cầu [10, tr.148]. Trong kiểu câu chúng tôi đang xét thì những động từ này đảm nhận chức năng làm vị ngữ trong câu. Ngoài ra, việc dùng chúng trong câu còn có hai điều kiện: chủ ngữ là ngôi thứ nhất, bổ ngữ thứ nhất là

ngôi thứ hai. Chúng tôi sẽ khảo sát những cấu trúc điển hình cho nhóm này, so sánh chúng với những cấu trúc tương ứng trong tiếng Anh, trên cơ sở đó nêu ra các đặc trưng về mặt dụng học của nhóm.

1.3. Theo cách hiểu của Nguyễn Kim Thân thì "động từ cấu khiến thường có hai bổ ngữ". Mô hình phổ biến của loại cấu trúc này là "N1 V1 N2 V2". Theo Nguyễn Kim Thân thì "bổ ngữ thứ nhất bao giờ cũng là một danh từ (trong dạng thức trên là N2). Bổ ngữ thứ hai bao giờ cũng do một động từ (trong dạng thức trên là V2) biểu thị. Trong câu V2 không phải là vị ngữ" [10, tr.147]. Vấn đề được đặt ra ở đây là mối quan hệ giữa hai bổ ngữ này như thế nào về phương diện cấu trúc và ngữ nghĩa? Sự chi phối của động từ cấu khiến với các thành tố chủ ngữ (N1) và các bổ ngữ (N2, V2) như thế nào? Trong nội bộ của nhóm câu này có thể có sự khác nhau hay không và sự khác nhau giữa chúng được biểu thị như thế nào? Sau đây là sự phân tích những động từ cơ bản của nhóm.

2.1. Trước hết là những câu với động từ SAI (SEND, ORDER, COMAND)

Xét ví dụ: Chị sai em đi chợ.

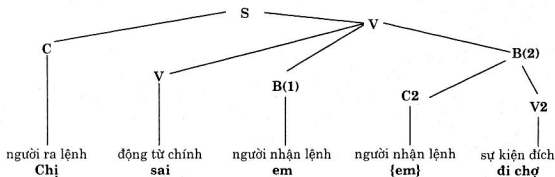
Đại từ có khả năng thay thế vào vị trí chủ ngữ và bổ ngữ đòi hỏi phải xét đến vai giao tiếp. Người sinh viên, người con không thể nói: "* Con sai mẹ đi chợ" hoặc "* Em sai thầy giảng lại cho em".

Xét về ngữ nghĩa và tính liên kết của các sự kiện được phản ánh thì chúng ta có

^(*) Học viên cao học, Khoa Ngôn ngữ, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

thể nhận thấy một số đặc điểm sau đây: (1) Mệnh đề chính biểu thị một sự kiện mà trong đó sự cấu khiến được tiến hành bằng một tác nhân tác động vào một tác nhân khác. Trong ví dụ "chị sai em", đến lượt mình "em đi chợ", "em" là đối ngôn và là tác nhân của hành động đi chợ. (2) Người tiến hành hành động "sai" là tác nhân đồng thời là chủ ngữ của mệnh đề chính

Sơ đồ nhánh cho câu: Chị sai em đi chợ.



(Kí hiệu: S: câu; C: chủ ngữ; V: vị ngữ; B: bổ ngữ).

Như vậy, "sai" là một động từ luôn luôn hàm ý về vai giao tiếp, chủ ngữ thường có vai cao hơn so với thụ nhân, tức là người bị sai khiến. Chúng ta cần phải nhận thấy rằng "sai" luôn luôn đòi hỏi động từ theo sau nó phải là một hành động cụ thể. Điều này bắt nguồn từ chính ngữ trị của động từ "Ai - sai - ai - làm gì".

Trong quan hệ so sánh với tiếng Anh, câu trên được dịch thành: I sent you to go to the super market. Động từ tương ứng với "sai" trong câu này là "send". Khi mang ý nghĩa gây khiến, động từ "send" lại không có những đặc điểm như đã được giải thích trong tiếng Việt và nó còn tương ứng với "làm", "làm cho", "khiến cho" (cause to become): That noise will send me mad (Tiếng động đó làm tôi điên mất); The news of his mother's death sent him

còn người tiến hành hành động "V2" lại là kẻ chịu sai khiến. (3) Mỗi quan hệ giữa "hai bổ ngữ" là mỗi quan hệ giữa tác nhân và hành động. Về thực chất đây là quan hệ chủ vị. Mệnh đề đích này sẽ được thực hiện bởi người nhận lệnh. Do đó, mỗi quan hệ giữa các thành tố được thể hiện bằng sơ đồ nhánh dưới đây.

almost out of his mind (Tin mẹ hắn chết làm cho hắn mất trí). "Sai" theo cách đối chiếu của Bùi Phụng trong "Từ điển Việt Anh" thì tương ứng với "send, order, comand". Tuy vậy, trong tiếng Việt do những đặc trưng văn hóa, "sai" không hoàn toàn tương ứng với "ra lệnh". Người ta có thể nói: "Tôi ra lệnh cho anh ra khỏi phòng" nhưng không thể nói "Tôi sai anh ra khỏi phòng". Như vậy, hơn hết thấy những động từ tương đương trong tiếng Anh, "sai" có những nét khác biệt cơ bản: (1) Có sự phân biệt rất rõ địa vị của người đảm nhận chức năng chủ ngữ-người ra lệnh và người nhận lệnh. (2) Động từ "sai" đòi hỏi thành phần V2 phải là một động từ hành động. (3) "Sai" được dùng để biểu thị những quan hệ cấu khiến có tính chất thứ bậc trong gia đình và xã hội.

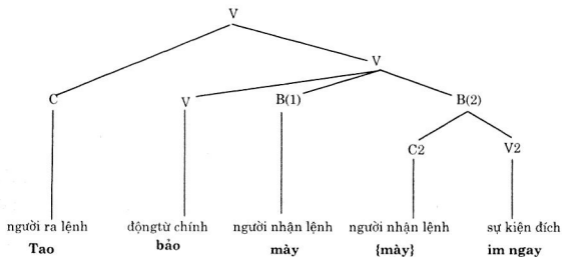
2.2. Xét câu với động từ BẢO (SAY, TELL)

Ví dụ: Tao bảo mày im ngay

Keep quite, I tell you.

Cũng như “sai”, “bảo” có những yêu cầu riêng về vai giao tiếp. Xét về vai chủ ngữ trong mệnh đề chính và mệnh đề phụ, chúng ta thấy tình hình như sau: Chủ ngữ trong mệnh đề chính thường xuyên là vai cao hơn hoặc ít nhất là ngang hàng trong gia đình hoặc xã hội. Người nói ở địa vị thấp hơn cũng có thể được sử dụng, nhưng những phát ngôn như vậy thường được đánh giá là ít văn hóa. Mặc dù không đòi hỏi chặt chẽ như “sai” nhưng “bảo” cũng đòi hỏi ở một mức độ cần thiết việc tính

Sơ đồ nhánh cho câu: Chị sai em đi chợ



Nếu so sánh giữa “sai” và “bảo” trong mô hình của các động từ câu khiến lại thấy rằng “sai” có yêu cầu phân biệt địa vị của người ra lệnh cao hơn so với “bảo”. Điều này cho phép “sai” đứng ở bậc cao hơn, và theo đó hiệu năng của mệnh lệnh cũng cao hơn so với “bảo”. “Sai” còn có một điểm khác biệt so với “bảo” ở khả năng lựa chọn động từ V2 của “sai” hẹp hơn, nó thường

toán đến “vai cao”, “vai thấp” khi sử dụng trong giao tiếp.

Về khả năng liên kết các sự kiện trong các câu loại này, thường được xác định: (1) Mệnh đề chính mã hóa một sự kiện mà trong đó một tác nhân tác động vào một tác nhân khác. (2) Tác nhân sai khiến thường đóng vai trò chủ ngữ và người nhận lệnh sai khiến là bổ ngữ. Trong ví dụ: “Tao bảo mày im ngay”, người sai bảo chính là người nói, người bị sai bảo là “mày”- người nghe. Và như thế, sơ đồ cho câu này là: Người ra lệnh = chủ ngữ, người nhận lệnh = bổ ngữ. Để biểu thị mối quan hệ của động từ “bảo” trong ý nghĩa động từ câu khiến được biểu thị bằng sơ đồ nhánh dưới đây:

yêu cầu V2 là động từ hành động [+động] [+chủ ý]. Ta có thể nói: “Tôi bảo anh ở trên giường” mà không thể nói “* Tôi sai anh ở trên giường”.

2.3. Chúng ta lại xét một số động từ khác: BẮT, BẮT BUỘC, CUỒNG BỨC, ÉP (FORCE - COMPEL - MAKE).

Trong tiếng Việt, “bắt” thường phản ánh quan hệ “trên/dưới”. Xét về vai về, địa

vị xã hội thì chủ ngữ mệnh đề chính có quyền năng cao hơn so với chủ ngữ mệnh đề phụ. Mô hình ngữ nghĩa phổ biến của loại động từ này: A bắt ép/ cưỡng bức B phải tiến hành hành động C. Hiệu năng cầu khiến trong những trường hợp này là rất cao. Khi hiệu năng cầu khiến càng cao thì dường như tính chất cưỡng bức càng cao và như thế khả năng tiến hành hành động đích càng hiện thực.

Chúng ta có thể so sánh với cấu trúc tương tự trong tiếng Anh. Trong tiếng Anh người ta thường sử dụng "make", "have", "get". "Make", "have" và "get" được dùng để diễn tả ý tưởng "X khiến Y làm điều gì". "Make" trong ví dụ "I make you carry my suitcase" (Tôi bắt anh mang vali cho tôi), người thực hiện mệnh lệnh không có sự lựa chọn nào khác, khi mà "tôi" đã quyết định anh buộc phải mang vali cho tôi. "Have" trong ví dụ sau đây, anh đã mang vali cho tôi vì tôi đã yêu cầu anh, câu này không có tính chất bắt buộc: "I have you to carry my suitcase" (Tôi bảo anh mang vali cho tôi). Trong trường hợp "I get you to carry my suitcase" (Tôi nhờ anh mang vali cho tôi), "tôi" đã phải nhờ cậy, thuyết phục "anh" để "anh" mang vali cho tôi.

2.4. Động từ YÊU CẦU (REQUEST, ASK)

Ví dụ: Tôi yêu cầu anh ra khỏi phòng.

I ordered you out of the room.

Mẹ yêu cầu con giúp đỡ.

I begged you for help.

So sánh cấu trúc này với những cấu trúc đã xét thì vai giao tiếp trong cấu trúc này có những nét khác biệt. Xét về vai vế, trong mối quan hệ giữa chủ ngữ với tư cách người yêu cầu và chủ ngữ trong mệnh đề phụ với tư cách người được yêu cầu thì chủ ngữ mệnh đề chính trong tư cách này khác

hắn với chủ ngữ tác nhân trong câu cầu khiến với mệnh đề cầu khiến "đề nghị" được khảo sát dưới đây. Đối lập với "đề nghị", "yêu cầu" được dùng giữa vai trên với vai dưới nhiều hơn là ngược lại. "Yêu cầu" thường được dùng có tính chất văn bản hơn so với giao tiếp thường nhật. Nó mang nặng tính chất hành chính, sự vụ. Xét về tính liên kết các sự kiện trong mệnh đề chính và mệnh đề phụ thì nội dung yêu cầu có tính chất đối lập cao hơn so với "sai" trong tư cách động từ cầu khiến. Chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng ngữ trị của động từ "yêu cầu" cho phép tạo ra hai khung ngữ nghĩa khác nhau: (1) A yêu cầu B tiến hành hành động C, tương ứng với ngữ trị Ai yêu cầu - yêu cầu ai - yêu cầu làm gì. (2) A yêu cầu B, tương đương với ngữ trị đòi hỏi: Ai yêu cầu - yêu cầu cái gì. Chính vì khả năng chia tách tương đối độc lập này giữa sự kiện của mệnh đề chính và mệnh đề phụ mà chúng ta thấy tính độc lập tương đối của mệnh đề phụ và theo đó sự khống chế của động từ trong mệnh đề chính có sức hạn chế hơn so với một số động từ khác, chẳng hạn như "sai" hoặc "ra lệnh". Nhưng điều đó không có nghĩa là vai người cầu khiến của nó ở vị trí thấp hơn so với chủ ngữ mệnh đề phụ.

Xét về hiệu lực cầu khiến của mệnh đề thì "sai" có hiệu lực cao hơn. Điều này cũng đúng với "ra lệnh". Tuy vậy, hiệu lực của mệnh lệnh trong "bảo" lại ở mức độ thấp hơn. Sở dĩ có đặc trưng này là do chỗ tính bắt buộc phải tiến hành hành động của mỗi cấu trúc khác nhau. Trong một số trường hợp, do ngữ cảnh, chủ ngữ tiến hành hành động trong mệnh đề phụ, đồng thời là bổ ngữ của vị ngữ trong mệnh đề chính, có thể bị tình lược: "Tôi yêu cầu im lặng". Trong trường hợp này thì tính "đơn" của cấu trúc càng được thể hiện rõ. Tóm lại, so với động từ nằm ở đỉnh của bảng so

sánh dưới đây thì động từ “yêu cầu” trong cấu trúc thể hiện tính yếu hơn về vai trò chủ ngữ chính, hiệu năng của mệnh lệnh thấp hơn.

2.5. Xét động từ ĐỀ NGHỊ (PROPOSE, PROPOSAL, OFFERING).

“Đề nghị” thường mang tính chất trang trọng, nghi thức, công sở. Về văn hóa giao tiếp người ta khó chấp nhận cách dùng “*Con đề nghị mẹ trật tự”. Tuy nhiên, trong công sở, trước những “cấp dưới” mang tính số đông, tập thể thì việc thủ trưởng đề nghị các nhân viên lại không vi phạm lỗi giao tiếp. Tuy nhiên, tính hiệu lực của “đề nghị” không cao. Điều đó có nghĩa là tính bắt buộc của tác nhân tiến hành hành động V2 trong mệnh đề phụ không cao. Điều này có thể cho phép quy loại cấu trúc với “đề nghị” ở vào một loại khác so với “sai”, “ra lệnh”, “bảo”, “yêu cầu”. Trong tiếng Việt, những cấu trúc kiểu này hàm ý rằng người tiến hành hành động đề nghị hoặc là ở địa vị thấp hơn, hoặc là ở với số lượng ít hơn so với người được đề nghị.

2.6. Xét động từ CẤM (FORBIT, PROHIBIT, INTERDICT).

“Cấm” có khả năng kết hợp với danh từ, cụm danh từ làm thành câu độc lập: “Cấm vũ khí nguyên tử” (prohibition of atomic weapons); nó còn có khả năng kết hợp với cụm động từ: “Cấm không được vào” (no admittance), “Cấm hút thuốc lá” (no smoking).

Cũng giống như “bắt”, quyền năng của người cấm thường cao hơn so với người bị cấm. Tính chất thụ động của người bị cấm dường như đạt đến mức tuyệt đối. Trong những trường hợp này, người cấm có thể là cấp trên, nhưng cá nhân có chức vị cao trong gia đình và xã hội. Vai người cấm trong nhiều trường hợp không được thể

hiện trong tư cách vai chủ ngữ mệnh đề chính mà nó thường được biểu hiện bằng quyền năng của “cái chung”, ví dụ: “Cấm hút thuốc lá”. Hàm ngôn của “cấm” cho phép giả định không được tiến hành cái hành động được biểu thị trong thành phần phụ động từ. Người cấm có thể là một cá nhân, cũng có thể là một tập thể, hoặc đại diện cho quyền năng của cái chung. Hiệu năng của mệnh lệnh trong trường hợp này rất cao. Nó đòi hỏi người bị cấm phải tuyệt đối chấp hành. Tính thụ động của thành tố phụ trong vai chủ thể bị cấm tiến hành hành động (V2) rất cao. Tính liên kết giữa hai sự kiện trong trường hợp này được thể hiện qua mối quan hệ chặt chẽ giữa động từ trong mệnh đề chính và động từ trong mệnh đề phụ. Do tính chất phổ dụng của cách dùng kết cấu trong các quy định chung mà trong khá nhiều trường hợp chủ ngữ trong vai người ra lệnh bị lược bỏ và chủ ngữ mệnh đề phụ trong vai kẻ bị cấm tiến hành hành động cũng bị lược bớt: “Cấm hút thuốc lá”. Do ngữ nghĩa chung, nói một cách chính xác đo ngữ cảnh có tính chất chung mà đôi khi “cấm” được dùng trực tiếp với danh từ: “Cấm vũ khí hạt nhân”.

2.7. Về quyền năng cao của chủ ngữ tác nhân chúng ta còn phải đề cập tới CHO PHÉP (PERMIT, ALLOW, AUTHORIZE).

Ví dụ: Tao không cho phép mày nói như thế.

Quyền năng của người cho phép được biểu thị trong vai chủ ngữ thường có quyền năng cao hơn nhiều so với kẻ được cho phép. Địa vị cao của người cho phép luôn luôn tạo ra thứ quyền năng cụ thể được biểu thị trong vị ngữ thứ hai. Tuy nhiên, đôi khi quyền năng ấy lại có tính chất đe dọa, ngăn cấm hoặc khuyến cáo đối với hành động được biểu thị trong V2. Trường hợp này thường dùng ở dạng phủ định.

Chính vì lẽ đó nó có nét tương đồng với "cấm": "Tao không cho phép mày nói như thế" = "Tao cấm mày nói như thế". "Cho phép" trong tư cách mang ý nghĩa đối lập với "cấm" nhưng về phương diện vai thì chủ ngữ người cho phép thường giữ quyền năng cao hơn so với người được cho phép tồn tại trong thành tố bổ ngữ và với tư cách người được phép tiến hành hành động (V2). Khả năng cấu khiến trong trường hợp này được tạo ra bởi sự dỡ bỏ cái sự kiện đã bị "cấm". Khi sử dụng ở thể phủ định "không cho phép" thể hiện quyền năng của người ra lệnh kẻ có quyền năng rất cao đối với người "bị không cho phép". Và do đó, hiệu lực cấu khiến trong trường hợp này không thể nói là không cao. Tính liên kết giữa các sự kiện trong cấu trúc ngữ nghĩa của dạng này thể hiện chủ yếu ở hai dạng với ý nghĩa đối lập nhau: A cho phép B tiến hành hành động C và A không cho phép B tiến hành hành động C. Như vậy, hành động "cho phép" và hành động "không cho phép" tạo ra hai sự kiện tương đối độc lập đối với nhau. Điều đó cũng tạo ra tính độc lập tương đối của sự kiện được cho phép và như vậy sự kết dính giữa "tác nhân được phép và hành động cho phép" có quan hệ gắn bó với nhau. Về phương diện thời gian, hành động cho phép bao giờ cũng xảy ra trước hành động được phép tiến hành trong mệnh đề phụ. Tuy nhiên, lại có trường hợp "cho phép" được dùng để yêu cầu tiến hành hành động. Trong trường hợp này, người nói là thụ nhân, ví dụ: "Bà cho phép cháu giúp bà một tay".

2.8. Đối lập với những động từ đã xét về quyền năng đối tượng thể hiện chủ ngữ cao là nhóm các cấu có quyền năng thể hiện ở chủ ngữ thấp. Chúng ta khảo sát động từ XIN và NHỜ. Mô hình cơ bản của

chúng là: N1 + V1(xin) + N2 + V2. Ví dụ: "Tôi xin cậu đừng nhắc tới chuyện cũ". Mô hình này có những biến thể phản ánh rõ chức năng của bổ ngữ thứ nhất - bổ ngữ trong cương vị chịu sự tác động của mệnh đề chính. Đồng thời, chính nó lại là chủ thể tiến hành hành động trong mệnh đề phụ.

Động từ "nhờ" có những đặc điểm cơ bản giống với động từ "xin". Mô hình chủ yếu của nó là N1 + V1(nhờ) + N2 + V2, ví dụ: "Tôi nhờ chị mua hộ mớ rau". Xét về vai cấu khiến, đây là cấu trúc câu với động từ cấu khiến đứng ở vị trí cuối cùng trong bảng cấu khiến. Sở dĩ nói nó đứng ở vị trí cuối cùng bởi vì vai chủ ngữ trong những cấu trúc này thấp nhất nếu xét về quyền năng chủ thể trong vai chủ ngữ. Điều này là tất yếu bởi vì đối với bất cứ động từ nào đã được khảo sát ở trên, vai chủ ngữ thường là vai mang quyền năng ban phát, được quyết định có tiến hành hành động hoặc chấp nhận đối với kẻ "xin" và kẻ "nhờ" hay không. Cũng chính điều đó giả định vai trò của từng thành tố trong hai vai của chủ ngữ và bổ ngữ - kiêm chủ ngữ.

Xét về khả năng liên kết, động từ "xin" và "nhờ" thường chỉ phối tới cả hai thành tố nhưng xét về phương diện ngữ nghĩa thì hai thành tố này có quan hệ mật thiết với nhau, không thể nói rằng chúng độc lập đối với nhau. Hiệu năng cấu khiến của những cấu trúc này, xét về nguyên tắc là thấp nhất trong bảng chia độ mà chúng tôi sẽ miêu tả dưới đây.

3. Như vậy, chúng ta đã có thể thấy rằng, những cấu trúc có động từ cấu khiến thường có chung mô hình cấu trúc cơ bản dưới đây: N1 + V1(cấu khiến) + N2 + V2. Trong đó: N1 = chủ ngữ; V1 = động từ cấu khiến; N2 = chủ ngữ mệnh đề phụ; V2 = vị ngữ mệnh đề phụ. Do những đặc trưng ngữ nghĩa của mỗi đơn vị, mỗi động từ có

những đặc điểm ngữ pháp khác nhau. Nếu lấy vai chủ ngữ và quyền năng câu khiến của nó để xếp loại thì ta có bảng phân chia quyền năng câu khiến dưới đây.

(Kí hiệu: (+): có khả năng tồn tại độc lập; (+/-): cần có điều kiện ngữ cảnh; (-): không có khả năng tồn tại độc lập).

Chủ ngữ có quyền năng câu khiến cao - Hiệu năng câu khiến cao.

STT	Động từ	C+V+B1+(B2=0)	C+V+(B1=0)+B2	C+V+B1+B2
1	Ra lệnh	-	+/-	+
2	Sai	-	+/-	+
3	Bắt	-	+/-	+
4	Cấm	+	+/-	+
5	Yêu cầu	-	+/-	+
6	Đòi hỏi	+	+	+
7	Bảo	-	+/-	+
8	Dạy	+	+	+
9	Cho phép	+/-	+/-	+
10	Thúc ép	+/-	+/-	+
11	Lãnh đạo	+	+	+
12	Dẫn dắt	+/-	+/-	+
13	Giục	+/-	+/-	+
14	Kêu gọi	+	+/-	+
15	Khuyến	+	+/-	+
16	Giúp đỡ	+	+/-	+
17	Cản trở	+	+/-	+
18	Mời	+	+/-	+
19	Xin	+	+	+
20	Nhờ	+/-	+/-	+

Chủ ngữ có quyền năng câu khiến thấp - Hiệu năng câu khiến thấp.

Từ bảng tóm tắt trên chúng ta có thể rút ra một số nhận xét: Tất cả các động từ câu khiến tham gia vào kiểu câu này đều có 2 bổ ngữ B1 và B2 lần lượt chỉ ra đối tượng câu khiến và nội dung câu khiến, giữa B1 và B2 có khả năng tiềm tàng một mệnh đề. Động từ câu khiến thường biểu thị những hoạt động: sai khiến, ra lệnh, kêu gọi, cho phép, đòi hỏi, giúp đỡ, cản trở những hoạt động khác. Động từ câu khiến thường đòi hỏi phải có bổ ngữ (mặc dù trong một số trường hợp, do điều kiện ngữ cảnh, bổ ngữ có thể bị giản lược). Những yếu tố bị giản lược là những danh từ, động từ chịu tác động của hành động

thứ nhất. Bổ ngữ thứ hai thường do một động từ làm trung tâm và thường nó là nội dung của sự sai khiến, đòi hỏi, ngăn cấm, khích lệ, động viên hay mời chào.

Việc nghiên cứu hành vi thuộc nhóm câu khiến thông qua câu trần thuật đặc biệt trên đây đã cho thấy kiểu câu có chứa động từ câu khiến dùng để biểu thị những hành vi thuộc nhóm câu khiến mà chúng tôi đang xét là điểm giao thoa giữa kết học - nghĩa học - dụng học. Việc làm rõ những đặc trưng kết học - nghĩa học - dụng học của kiểu câu này đã góp phần vào việc hiểu bản chất cú pháp tiếng Việt và chắc chắn sẽ mở ra một số ứng dụng trong dạy và học tiếng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Ngữ pháp tiếng Việt phổ thông*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1989.
2. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học, tập II*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.
3. Đỗ Hữu Châu, *Giản yếu về ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995.
4. Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.
5. Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2000.
6. Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
7. Hoàng Trọng Phiến, *Ngữ pháp tiếng Việt - câu*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980.
8. Nguyễn Thị Quy, *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó (so sánh với tiếng Nga và tiếng Anh)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995.
9. Lê Xuân Thái, Các kiểu cấu trúc chủ vị trong tiếng Việt, *Ngôn ngữ*, Hà Nội, số 2, 1978, tr.23-30.
10. Nguyễn Kim Thân, *Động từ trong tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XIX, N₄, 2003

APPLIED FEATURE OF AFFIRMATIVE STATEMENTS CONSISTING
OF COMMAND VERBS AS PREDICATES

Phạm Thùy Chi

*Department of Linguistics
College of Social Sciences & Humanities - VNU*

The article is to examine the functions of command sentences through a special kind of statements consisting of command verbs. This is a special type of statements because the purpose of command is not shown in direct commands (which are examined in many grammatical studies) and neither is it in implications or inference.

Such verbs as: *sai, bảo, cấm, yêu cầu, bắt, đề nghị, cho phép, xin, nhờ* are examined in this article. These verbs are used as predicates in this kind of statements, which are discussed here. Besides the subject must be the 1st person (singular or plural) and the object must be the second. The findings show all the command verbs in sentences of this kind include 2 object. Object 1 and object 2 both show the subject and content of commands. And it is likely that there is a clause between O₁ and O₂. This is only the initial research on one. Special type of statements with a hope to introduce some applications in learning as well as in teaching languages.